

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày 11 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Văn La

Ông: Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 24/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2020/QĐST-DS ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn N, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Chị Ngọc Thị L1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nông Văn N trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 08/8/2016 anh có cho vợ chồng anh Hoàng Văn L, chị Ngọc Thị L1 vay 120.000.000đ, khi vay tự tay anh L có viết giấy biên nhận, có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/1 tháng và hạn đến ngày 08/8/2019 là hạn trả nợ cuối cùng. Từ đó đến nay anh đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh L, chị L1 vẫn không trả anh đồng nào. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh L, chị L1 phải trả anh 120.000.000đ tiền gốc, và lãi suất theo thỏa thuận từ khi vay đến nay.

*** Bị đơn chị Ngọc Thị L1 trình bày:** Chị là vợ anh Hoàng Văn L, gia đình chị với gia đình anh N là quan hệ quen biết. Chị không nhớ ngày, tháng, năm nào; hôm đó anh L chồng chị bảo chị ra ký giấy vay tiền anh N, để anh N đưa tiền cho anh L vay, nên chị có ra ký giấy vay tiền (như giấy chị đã được xem trong hồ sơ); chị ký xong rồi về nhà có việc, còn anh L chồng chị ở

lại nhận tiền, có sử dụng tiền vào việc của gia đình. Chị nghe anh L chồng chị nói là đã trả hết tiền vay này cho anh N, còn việc anh L chồng chị trả cho anh N cụ thể như thế nào chị không biết. Hiện tại anh L chồng chị đi làm thuê không rõ địa chỉ thỉnh thoảng mới về. Nay anh N kiện đòi tiền chị không đồng ý trả, vì chị nghe anh L chồng chị nói là đã trả hết khoản tiền vay này cho anh N rồi.

Bị đơn anh Hoàng Văn L: Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao và niêm yết, các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh L vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh N có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Anh L, chị L1 vắng mặt; mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh N có mặt; anh L, chị L1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử buộc anh Hoàng Văn L và chị Ngọc Thị L phải có trách nhiệm trả anh Nông Văn N 120.000.000đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật từ khi vay đến nay. Anh L, chị L1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh N. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn anh Nông Văn N, sinh năm 1977, Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; khởi kiện đòi tiền đối với anh Hoàng Văn L, sinh năm 1977 và chị Ngọc Thị L1, sinh năm 1983, Đều cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Theo giấy vay tiền ngày 08/8/2016, anh L, chị L1 có vay của anh N 120.000.000đ, khi vay có viết giấy biên nhận, hạn đến ngày 08/8/2019 trả hết cả gốc và lãi. Nay anh N yêu cầu anh L, chị L1 trả anh N 120.000.000đ tiền gốc và lãi xuất theo thỏa thuận từ khi vay đến nay. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi xuất theo thỏa thuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh N có mặt; bị đơn anh L, chị L1 đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xuất phát từ quen biết nên ngày 08/8/2016 anh N có cho vợ chồng anh L, chị L1 vay 120.000.000đ, khi vay có viết giấy biên nhận, thỏa thuận miệng lãi xuất 2%/1 tháng và hạn đến

ngày 08/8/2019 là hạn trả nợ cuối cùng. Đến hạn anh L, chị L1 không trả anh N được đồng nào. Nay anh N yêu cầu anh L và chị L1 phải trả anh N 120.000.000đ tiền gốc và lãi xuất theo thỏa thuận từ khi vay đến nay.

Phía bị đơn, chị L1 xác định vợ chồng chị và anh L có vay anh N 120.000.000đ, chị nghe nói anh L đã trả hết tiền vay trên cho anh N, nên chị không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của anh N. Phía anh L mặc dù đã được Toà án thông báo thụ lý, giao và niêm yết, các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh L vẫn không phối kết hợp để làm việc.

HĐXX xét thấy, căn cứ bản gốc giấy biên nhận vay tiền, cũng như lời trình bày của các đương sự, xác định được, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện anh L, chị L1 còn nợ anh N 120.000.000đ tiền gốc. Nay anh N yêu cầu anh L và chị L1 phải có trách nhiệm trả anh N 120.000.000đ tiền gốc là có căn cứ. Tuy nhiên về lãi xuất anh N yêu cầu anh L, chị L1 trả theo thỏa thuận là 2%/1 tháng là quá cao. Mà chỉ chấp nhận phần lãi xuất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/1 năm, kể từ ngày 08/8/2016 đến nay là phù hợp. Tiền lãi xuất được tính như sau: $120.000.000đ \times 1,67\% \times 48 \text{ tháng}$ 3 ngày = 96.392.000đ. Tổng cộng, cần buộc anh L, chị L1 phải trả anh N cả gốc và lãi xuất là 216.392.000đ, xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, nên anh L, chị L1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh N toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1/ Buộc anh Hoàng Văn L và chị Ngọc Thị L1 có trách nhiệm thanh toán trả anh Nông Văn N 120.000.000đ tiền gốc và 96.392.000đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi xuất là 216.392.000đ (hai trăm mười sáu triệu ba trăm chín hai nghìn đồng).

2/ Về án phí: Anh Hoàng Văn L và chị Ngọc Thị L phải chịu 10.820.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nông Văn N 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002247, ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi xuất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thân Trọng Khôi